

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013  
(đã được kiểm toán)

---

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 41
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 41

---

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 3 ngày 26/11/2013 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại Số 70 An Dương - Tây Hồ - Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Tiên Phong	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hiến	Thành viên
Ông Kiều Văn Linh	Thành viên
Bà Phùng Minh Bằng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Nghĩa	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2013)
Ông Đặng Tiên Phong	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2013)
Ông Mai Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đào Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tất Thành	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Anh Tài	Trưởng ban
Ông Phùng Quang Hải	Thành viên
Bà Đỗ Thị Lan	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Tổng Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

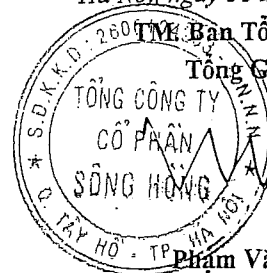
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2014



Tổng Giám đốc

Phạm Văn Nghĩa

Số: 1170/2014/BC.KTTC-AASC.KT1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng được lập ngày 30 tháng 07 năm 2014, từ trang 6 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

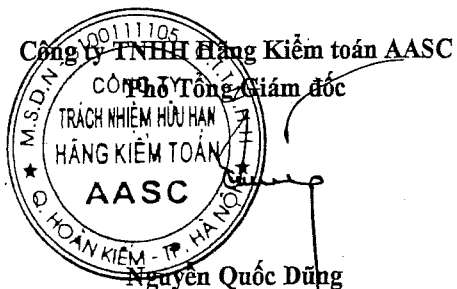
05  
37  
KIỂM  
KIẾP  
N

***Ý kiến của kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán này thay thế cho Báo cáo kiểm toán đã được phát hành số 934/2014/BC.KTTC - AASC-KT1 ngày 14 tháng 07 năm 2014 do phân loại lại các chỉ tiêu phải trả ngắn và dài hạn khác, vay ngắn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2014



Nguyễn Quốc Dũng  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0285-2013-002-1

Kiểm toán viên

Phạm Anh Tuấn  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0777-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.188.259.069.014</b>	<b>1.062.526.181.839</b>
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	36.022.626.156	127.276.507.784
111 1. Tiền		36.022.626.156	127.276.507.784
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.000.000.000	-
121 1. Đầu tư ngắn hạn		1.000.000.000	-
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		837.839.630.739	622.995.590.660
131 1. Phải thu khách hàng		358.794.556.960	253.948.992.511
132 2. Trả trước cho người bán		404.020.020.216	344.156.902.200
135 5. Các khoản phải thu khác	5	95.850.652.064	45.689.794.450
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6	(20.825.598.501)	(20.800.098.501)
140 IV. Hàng tồn kho	7	280.410.732.230	284.584.802.213
141 1. Hàng tồn kho		280.410.732.230	284.584.802.213
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		32.986.079.889	27.669.281.182
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn		358.630.145	8.765.032
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		14.740.959.388	13.265.745.094
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	1.229.416.230	857.137.852
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	9	16.657.074.126	13.537.633.204
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>671.904.428.162</b>	<b>684.945.945.996</b>
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		99.329.698.591	99.329.698.591
218 4. Phải thu dài hạn khác	10	99.329.698.591	99.329.698.591
220 II. Tài sản cố định		129.793.213.700	133.862.579.828
221 1. Tài sản cố định hữu hình	11	59.303.981.348	67.173.789.140
222 - Nguyên giá		97.199.759.628	100.275.743.438
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(37.895.778.280)	(33.101.954.298)
227 3. Tài sản cố định vô hình	12	36.033.200.000	36.033.200.000
228 - Nguyên giá		36.033.200.000	36.033.200.000
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	34.456.032.352	30.655.590.688
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14	410.597.925.527	415.162.916.572
251 1. Đầu tư vào công ty con		180.622.506.524	179.535.506.524
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		66.558.901.268	75.658.901.268
258 3. Đầu tư dài hạn khác		163.416.517.735	159.968.508.780
260 V. Tài sản dài hạn khác		32.183.590.344	36.590.751.005
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	15	32.042.510.344	36.590.751.005
268 3. Tài sản dài hạn khác		141.080.000	-
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.860.163.497.176</b>	<b>1.747.472.127.835</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>300 A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.453.218.556.838</b>	<b>1.368.451.914.703</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>937.686.439.120</b>	<b>859.752.810.816</b>
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	16	49.745.878.973	53.666.423.451
312 2. Phải trả người bán		273.132.977.996	264.480.770.061
313 3. Người mua trả tiền trước		399.626.345.436	299.671.903.255
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.309.375.106	5.634.180.380
315 5. Phải trả người lao động		5.085.476.059	2.805.219.643
316 6. Chi phí phải trả	18	154.971.648.981	154.612.605.614
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	51.635.538.449	77.237.310.292
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.179.198.120	1.644.398.120
<b>330 II. Nợ dài hạn</b>		<b>515.532.117.718</b>	<b>508.699.103.887</b>
333 3. Phải trả dài hạn khác	20	267.268.066.456	269.814.045.842
334 4. Vay và nợ dài hạn	21	229.567.081.565	238.655.770.966
338 8. Doanh thu chưa thực hiện	22	18.696.969.697	229.287.079.000
<b>400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>406.944.940.338</b>	<b>379.020.213.132</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>23</b>	<b>406.617.222.710</b>	<b>378.732.104.658</b>
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		270.000.000.000	270.000.000.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		22.519.497.214	22.519.497.214
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		13.998.018.022	13.998.018.022
418 8. Quỹ dự phòng tài chính		11.469.802.618	11.469.802.618
419 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.734.901.309	5.734.901.309
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		82.869.022.547	54.983.904.495
422 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		25.981.000	25.981.000
<b>430 II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>		<b>327.717.628</b>	<b>288.108.474</b>
432 2. Nguồn kinh phí		147.023.184	57.414.030
433 3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		180.694.444	230.694.444
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.860.163.497.176</b>	<b>1.747.472.127.835</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU

Thuyết  
minh

31/12/2013

01/01/2013

5. Ngoại tệ các loại  
- USD

20,00

20,00

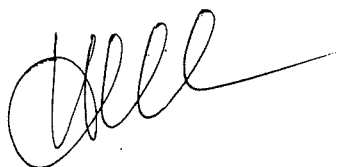
*mb*

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



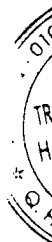
Đặng Minh Hiền



Phùng Minh Bằng



Phạm Văn Nghĩa



## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2013

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	832.713.304.263	806.333.420.377
10 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		832.713.304.263	806.333.420.377
11 4. Giá vốn hàng bán	25	810.696.729.162	785.510.053.666
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.016.575.101	20.823.366.711
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	13.472.224.766	17.019.940.260
22 7. Chi phí tài chính	27	733.441.753	2.559.306.548
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		733.441.753	2.559.306.548
25 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	36.435.916.125	34.577.974.225
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.680.558.011)	706.026.198
31 11. Thu nhập khác	29	15.963.783.387	46.845.049.553
32 12. Chi phí khác	30	3.116.086.622	34.793.152.673
40 13. Lợi nhuận khác		12.847.696.765	12.051.896.880
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.167.138.754	12.757.923.078
51 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	1.716.652.151	942.341.432
60 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		9.450.486.603	11.815.581.646

Người lập biểu



Đặng Minh Hiền

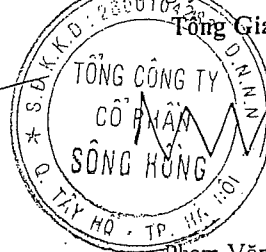
Kế toán trưởng



Phùng Minh Bằng

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2014

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Nghĩa

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

Theo phương pháp gián tiếp

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.167.138.754	12.757.923.078
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		7.295.923.243	7.850.745.546
03	- Các khoản dự phòng		25.500.000	
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(13.583.107.341)	(17.019.940.260)
06	- Chi phí lãi vay		733.441.753	2.559.306.548
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.638.896.409	6.148.034.912
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(203.265.853.377)	74.725.264.933
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		32.378.639.714	(68.548.384.064)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		95.391.237.359	96.568.245.077
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		3.874.537.493	9.082.084.945
13	- Tiền lãi vay đã trả		(2.274.054.573)	(2.558.206.550)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.813.695.842)	-
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		741.111.057	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.704.252.414)	(3.491.631.502)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(73.033.434.174)	111.925.407.751
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.535.173.380)	(9.552.782.972)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		110.882.575	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.000.000.000)	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.800.000.000)	(70.170.857.772)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	3.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.764.404.279	5.700.322.539
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.459.886.526)	(71.023.318.205)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		6.850.000.000	229.374.657.846
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(19.938.861.678)	(178.791.139.646)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.671.699.250)	(325.215.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(14.760.560.928)	50.258.303.200
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(91.253.881.628)	91.160.392.746

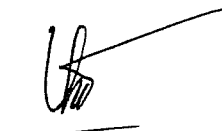
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		127.276.507.784	37.817.327.626
	Tiền và tương đương tiền của Công ty Xây lắp Vật liệu		-	1.697.243.432
	Xây dựng An Dương trong số dư đầu kỳ		-	(3.969.156)
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>36.022.626.156</u>	<u>127.276.507.784</u>

Người lập biểu



Đặng Minh Hiền

Kế toán trưởng



Phùng Minh Bằng

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2014



Tổng Giám đốc



Phạm Văn Nghĩa

T/L TỔNG GIÁM ĐỐC  
P. CHÁNH VĂN PHÒNG  
*Lý Trường Thành*  
**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày... tháng... năm 20...



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 3 ngày 26/11/2013 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại Số 70 An Dương - Tây Hồ - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

#### Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng  
Trường trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng

Ban điều hành dự án xây dựng gói thầu DH 1.6

Ban điều hành dự án xây dựng Nhà thi đấu Đà Nẵng

Ban Quản lý công trình cấp thoát nước Hà Nội  
Ban điều hành công trình khách sạn Royal Sông Hồng

Ban điều hành công trình Nhà xuất bản chính trị Quốc gia  
Ban quản lý dự án khu đô thị Sông Hồng - Nhơn Trạch

Ban điều hành dự án xây dựng Nhà máy Nhiệt điện  
Vũng Áng 1

Ban Điều hành Dự án Xây dựng Nhà thi đấu đa năng  
Tỉnh Nam Định

#### Địa chỉ

Số 70 An Dương - Tây Hồ - Hà Nội

Khu 6B - Phường Nông Trang - Thành phố  
Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ

Tiểu khu 11 - Phường Nam Lý - Thành phố  
Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình

Đường 2/9 - Quận Hải Châu - Thành phố Đà  
Nẵng

Số 5/158 Hoàng Văn Thái - Hà Nội

Số 144 Phan Bội Châu - Phường Lào Cai -  
Thành phố Lào Cai - Tỉnh Lào Cai

Số 70 An Dương - Tây Hồ - Hà Nội

Số A38 - Ấp Thị Cầu - Xã Phú Đông - Huyện  
Nhơn Trạch - Tỉnh Đồng Nai

Thôn Hải Phong - Xã Kỳ Lợi - Huyện Kỳ Anh -  
Tỉnh Hà Tĩnh

Phường Lộc Vượng, Thành phố Nam Định,  
Tỉnh Nam Định

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 14.

#### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 26/11/2013, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống điện;

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Khai thác gỗ;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng khách đường bộ khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Lập trình máy vi tính.

101  
CÔ  
NH  
KI  
AA  
KIEN

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính tại các đơn vị thành viên và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

### 2.4 . Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu..

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-15 năm
- Máy móc, thiết bị	03-08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08 năm

Năm 2013, Tổng Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 2 năm tài chính.

## 2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

CHÍNH SÁCH  
TÀI CHÍNH



- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

## 2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

## 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị thương hiệu Tổng Công ty Sông Hồng, lợi thế thương mại của các lô đất phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp, công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng và các chi phí chung phát sinh phục vụ tìm kiếm các dự án trong tương lai, hầu hết chưa ký được hợp đồng.

Giá trị thương hiệu của Tổng công ty Sông Hồng khi cổ phần hóa phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 10 năm .

Giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa của các lô đất phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào thời gian sử dụng còn lại từ khi chuyển đổi sang Công ty Cổ phần đến hết thời hạn thuê đất thể hiện trên hợp đồng thuê đất.

## 2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## 2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

#### 2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### 2.15 . Ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng ghi nhận dựa theo khối lượng nghiệm thu quyết toán với chủ đầu tư.

**2.16 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.17 . Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Đối với Dự án I1, I2, I3 Thái Hà-Dự án Tổng Công ty tham gia góp vốn (chi tiết Thuyết minh số 14-Các khoản đầu tư tài chính dài hạn), chủ đầu tư được áp dụng thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo, được quy định tại Nghị Quyết số 34/2007/NQ-CP ngày 03/07/2007 của Chính Phủ về một số giải pháp để thực hiện việc cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ bị hư hỏng, xuống cấp và Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt	2.004.922.003	2.998.302.201
Tiền gửi ngân hàng	34.017.704.153	124.278.205.583
	<u>36.022.626.156</u>	<u>127.276.507.784</u>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng (*)	1.000.000.000	-
	<u>1.000.000.000</u>	<u>-</u>

(\*): Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng số 11/VCBHD-SH ngày 30/09/2013 số tiền 1.000.000.000 VND, lãi suất 6,5%/năm.

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu về cổ phần hóa	5.315.072.141	6.893.977.141
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	6.166.090.267	3.416.131.380
Phải thu khác	84.369.489.656	35.379.685.929
- Chi phí phân bổ cho các nhà thầu phụ chưa được nghiệm thu - BĐH Vũng Áng	1.248.105.396	2.598.726.887
- Phải thu cán bộ công nhân viên đã chuyển công tác	1.607.086.904	1.902.075.107
- Phải thu tiền lãi vay của các khoản vay hộ cho nhà thầu thi công - BĐH Đà Nẵng	1.782.399.774	4.426.056.678
- Phải thu tiền dọn vệ sinh công trường đã chi hộ BĐH Đà Nẵng	222.945.608	222.945.608
- Phải thu tiền bồi dưỡng công nhân làm đêm đã chi hộ - BĐH Đà Nẵng	727.269.736	727.269.736
- Phải thu ông Nguyễn Thạc Phúc khi bàn giao giải thể chi nhánh Miền Trung	3.900.203.861	3.784.762.132
- Phải thu về tiền thuê mặt bằng, tiền điện nước	3.530.746.177	2.747.747.341
- Phải thu Công ty CP Đầu tư tài chính Phong Phú	3.973.400.000	3.973.400.000
- Phải thu Bộ Xây dựng công trình Bệnh viện Xây dựng Việt Trì	859.490.367	859.490.367
- Phải thu về công nợ và lãi vay (Sông Hồng 12)	1.019.746.704	1.019.746.704
- Phải thu các cá nhân tại Công ty điện tử và các cá nhân đã điều chuyển trong Tổng Công ty	2.225.711.208	2.536.844.749
- Phải thu nhà thầu phụ tiền phí bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng	3.842.081.249	1.810.195.526
- Phải thu Sở Tài chính - Tiền đào tạo nghề-Trường Trung cấp Kỹ thuật Nghiệp vụ Sông Hồng	-	320.220.000
- Phải thu Công ty CP Sông Hồng 6 tiền thuê mặt bằng, tiền vay và lãi vay	27.127.243.939	1.134.784.753
- Kinh phí đào tạo bổ sung	160.000.000	-
- Công ty CP Sông Hồng 36 tiền thuê mặt bằng, tiền vay, lãi vay và các khoản công nợ khác	11.254.477.444	1.052.032.967
- Phải thu Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn tiền lãi vay và phụ phí công trình	5.616.502.532	919.341.005
- Góp vốn vào dự án Điện Nam - Điện Ngọc	1.485.000.000	-
- Công ty CP Sông Hồng Thăng Long tiền thuê mặt bằng, tiền lãi vay và tiền công nợ khác	5.713.377.639	1.474.620.805
- Phải thu khác	8.073.701.118	3.869.425.564
	<b>95.850.652.064</b>	<b>45.689.794.450</b>

**6 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu khách hàng	(13.868.607.856)	(14.489.100.334)
Phải thu tiền tạm ứng	(393.943.316)	(1.469.384.802)
Phải thu khác	(6.563.047.329)	(4.841.613.365)
	<b>(20.825.598.501)</b>	<b>(20.800.098.501)</b>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241.630.732.230	245.804.802.213
Hàng hóa (*)	38.780.000.000	38.780.000.000
	<u><b>280.410.732.230</b></u>	<u><b>284.584.802.213</b></u>

(\*) Khoản tiền chi ra để mua lô đất tại khu biệt thự Tây Hồ, hiện các lô đất này đã được chuyển nhượng cho các cá nhân khác bên ngoài nhưng do chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý bán nhà nên vẫn đang theo dõi khoản tiền đã chi ra này trên khoản mục hàng tồn kho và khoản tiền nhận được từ việc bán lô đất này trên khoản mục người mua trả tiền trước.

**8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.227.229.483	857.137.852
Thuế thu nhập cá nhân	2.186.747	-
	<u><b>1.229.416.230</b></u>	<u><b>857.137.852</b></u>

**9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng	12.745.549.797	11.861.770.284
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.911.524.329	1.675.862.920
	<u><b>16.657.074.126</b></u>	<u><b>13.537.633.204</b></u>

**10 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Phải thu BQL Dự án Thái Hà lợi nhuận tạm tính (*)	93.026.670.594	93.026.670.594
Chuyển tiền thuế kinh doanh BĐS cho BQL Dự án Thái Hà	6.303.027.997	6.303.027.997
	<u><b>99.329.698.591</b></u>	<u><b>99.329.698.591</b></u>

(\*): Khoản phải thu về lợi nhuận tạm tính của Dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 Thái Hà và văn phòng cho thuê Thành Công 2, trong đó: Năm 2010, Tổng Công ty ghi nhận phải thu lợi nhuận tạm tính là 40 tỷ đồng; Năm 2011 tiếp tục ghi nhận lợi nhuận tạm tính từ dự án này là 50 tỷ đồng. Năm 2012, căn cứ trên Bảng xác định hiệu quả kinh tế dự án của Phòng Đầu tư, trong đó lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty từ dự án là: 93.026.670.594 VND, Tổng Công ty đã ghi nhận bổ sung phần lợi nhuận tạm tính còn lại là: 3.026.670.594 VND. Theo báo cáo của Phòng Đầu tư Tổng công ty ngày 20/5/2014 thì phương án kinh doanh dự kiến lợi nhuận mà Tổng công ty sẽ thu được từ dự án này là: 107,655 tỷ đồng (tức là tăng 14,6 tỷ đồng so với phương án tạm tính cũ) lý do là tăng doanh thu từ kinh doanh sản thương mại (tầng 1), phần diện tích dành Hanel thuê lại chưa chia. Theo đó, lợi nhuận từ dự án dự tính tăng thêm 14,6 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Tổng Công ty vẫn chưa thực hiện quyết toán dự án với bên hợp tác đầu tư.

# **11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Xem chi tiết Phụ lục 1

# **12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu năm	36.033.200.000	36.033.200.000
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	36.033.200.000	36.033.200.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	36.033.200.000	36.033.200.000
Tại ngày cuối năm	36.033.200.000	36.033.200.000

# **13 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	34.456.032.352	30.655.590.688
- Khách sạn Royal Sông Hồng (i)	16.317.842.380	14.973.761.687
- Khu đô thị Sông Hồng - Nhon Trạch	8.560.362.492	8.073.475.179
- Dự án khu nhà ở cho cán bộ nhà xuất bản Chính trị Quốc gia (ii)	9.577.827.480	7.608.353.822
	34.456.032.352	30.655.590.688

(i): Dự án Khách sạn Royal Sông Hồng được thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-HĐQT-TCT ngày 03/04/2008 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng với tổng mức vốn đầu tư là 36.700.000.000 VND. Thời gian thực hiện theo kế hoạch ban đầu là 18 tháng nhưng do khó khăn trong vấn đề cấp vốn nên Dự án phải kéo dài hơn so với kế hoạch. Dự kiến Dự án sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm 2014.

(ii): Đây là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến việc chuẩn bị đầu tư, xây dựng công trình "Dự án khu nhà ở cho cán bộ Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia" theo thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 06/03/2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia về việc thực hiện Dự án nhà ở cán bộ, công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia trên các lô đất 04 - BT3, 04 - CT2 và 04 - CT3 thuộc khu vực quy hoạch Bắc Cổ Nhuế - Chèm, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Sau khi xây dựng hoàn thành, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng đảm bảo cung cấp cho Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia khoảng 200 căn hộ để phục vụ cho cán bộ, công chức Nhà xuất bản. Phần diện tích và căn hộ đầu tư thêm, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia thống nhất để Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng thực hiện bỏ vốn kinh doanh và phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ là 50/50. Tính đến thời điểm 31/12/2013, Dự án đang trong giai đoạn xin giấy phép cần thiết để thực hiện xây dựng công trình.

14 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>180.622.506.524</b>	<b>179.535.506.524</b>
- Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long (*)	2.786.500.000	2.786.500.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	11.960.847.357	11.960.847.357
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô	5.114.913.673	5.114.913.673
- Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng (*)	6.500.000.000	6.500.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Sông Hồng (*)	5.100.000.000	5.100.000.000
- Công ty Cổ phần Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Hồng (*)	750.000.000	1.750.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung (*)	11.000.000.000	11.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng	15.800.000.000	14.500.000.000
- Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng (*)	102.000.000.000	102.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	4.522.404.482	4.522.404.482
- Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Đô thị Sông Hồng	937.000.000	150.000.000
- Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	12.239.900.000	12.239.900.000
- Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	1.910.941.012	1.910.941.012
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>66.558.901.268</b>	<b>75.658.901.268</b>
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng (*)	5.250.000.000	5.250.000.000
- Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng (*)	36.498.220.000	36.498.220.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Hồng (*)	364.681.268	364.681.268
- Công ty Cổ phần Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	4.000.000.000	4.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Hồng 10	6.000.000.000	6.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Hồng 36 (*)	9.750.000.000	9.750.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây (*)	1.696.000.000	1.696.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Phương (*)	-	9.100.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9 (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>163.416.517.735</b>	<b>159.968.508.780</b>
	<b>410.597.925.527</b>	<b>415.162.916.572</b>

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2013: Chi tiết Phụ lục 2.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2013: Chi tiết Phụ lục 3.

**Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Góp vốn vào các Công ty khác	23.730.834.020	22.730.834.020
- Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	1.038.110	1.038.110
- Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	1.264.586.273	1.264.586.273
- Công ty Cổ phần CMC	3.738.120.078	3.738.120.078
- Công ty Cổ phần Dầu khí Điện lực Nhơn Trạch II (*)	8.704.000.000	8.704.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	500.000.000	500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng	4.623.089.559	4.623.089.559
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội Sông Hồng (*)	2.200.000.000	2.200.000.000

- Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Sông Hồng (Công ty Cổ phần Sông Hồng 6) (*)	1.700.000.000	1.700.000.000
- Công ty Cổ phần sông Hồng Đại Phát	1.000.000.000	-
Đầu tư vào các dự án	139.685.683.715	137.237.674.760
- Dự án Khu đô thị Tây Nam Việt Trì	500.000.000	500.000.000
- Dự án Biệt thự Thanh Trì	3.320.000.000	3.320.000.000
- Dự án II,II,II Thái Hà	133.365.683.715	130.932.674.760
- Dự án tổ hợp CT đa chức năng Sông Hồng Tower - Tây Hồ Tây	2.500.000.000	1.000.000.000
- Dự án Điện Nam - Điện Ngọc	-	1.485.000.000
	<b>163.416.517.735</b>	<b>159.968.508.780</b>

Thông tin chi tiết góp vốn vào các Công ty khác của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2013: Chi tiết Phụ lục 4.

(\*): Thực hiện chủ trương sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp giai đoạn 2011-2015 theo Nghị quyết của Trung ương khóa IX và sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Xây dựng về nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty Cổ phần sông Hồng đã có công văn số 803/TCT-TCNS ngày 17/06/2014 gửi Bộ Xây dựng về phương án tái cấu trúc và nâng cao quản trị của Tổng Công ty Cổ phần sông Hồng giai đoạn 2014-2015 về việc thoái toàn bộ vốn đầu tư tại 17 đơn vị, bao gồm 06 Công ty con: Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long; Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng; Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng; Công ty Cổ phần Xây dựng và Đô thị sông Hồng; Công ty Cổ phần Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Hồng; Công ty Cổ phần Sông Hồng miền Trung; 08 Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Sông Hồng 36; Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng sông Hồng; Công ty Cổ phần Năng lượng sông Hồng; Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng sông Hồng; Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây; Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng sông Hồng 9; Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Phương và 03 Công ty góp vốn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội Sông Hồng; Công ty Cổ phần Sông Hồng 6; Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch II. Do đó, Tổng Công ty không xem xét trích lập dự phòng giảm giá đầu tư đối với các khoản đầu tư vào các công ty này.

Riêng đối với Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng, theo phương án tái cơ cấu Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng, dự kiến tăng vốn điều lệ lần 1 lên 350 tỷ đồng, và lần thứ 2 tăng vốn điều lệ lên 450 tỷ đồng. Việc tăng vốn điều lệ lần 1 đã được Bộ Xây dựng chấp thuận theo công văn số 1032/BXD-ĐMDN ngày 04/06/2013 về việc thống nhất với đề xuất của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng về phương án tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng từ 120 tỷ đồng lên 350 tỷ đồng. Giá trị vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng không thay đổi. Do đó, sau khi Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng tăng vốn điều lệ, tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng sẽ giảm xuống còn 29,14% (tăng vốn lần 1) và 22,67% (tăng vốn lần 2). Dự kiến đến tháng 10/2014 Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng sẽ hoạt động trở lại và đến năm 2015 Công ty bắt đầu hoạt động có lãi.

#### 15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Số dư đầu năm	36.590.751.005	43.702.072.817
Số tăng trong năm	1.379.721.730	720.311.227
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(5.927.962.391)	(6.446.602.681)
Giảm khác	-	(1.385.030.358)
Số dư cuối năm	<b>32.042.510.344</b>	<b>36.590.751.005</b>



Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí triển khai dự án	654.089.446	654.089.446
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	672.801.535	941.426.045
Chi phí khởi công dự án	-	26.094.674
Giá trị thương hiệu Tổng Công ty Sông Hồng	5.133.333.329	5.933.333.333
Lợi thế thương mại phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp	25.120.867.171	29.035.807.507
- Lợi thế tại lô đất Số 70 An Dương - Hà Nội	24.898.391.827	28.778.660.683
- Lợi thế tại lô đất Chi nhánh Lào Cai	222.475.344	257.146.824
Chi phí sửa chữa văn phòng	80.351.820	-
Lán trại công nhân	381.067.043	-
	<b>32.042.510.344</b>	<b>36.590.751.005</b>

#### 16 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay ngắn hạn	39.099.237.399	45.910.610.652
Vay ngân hàng	38.487.610.652	44.610.610.652
Vay đối tượng khác	611.626.747	1.300.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (chi tiết xem Thuyết minh số 21)	10.646.641.574	7.755.812.799
	<b>49.745.878.973</b>	<b>53.666.423.451</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn tại Văn phòng Tổng Công ty:

Hợp đồng tín dụng số 2509/2012/HĐTD ngày 25/09/2012 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy với tổng hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND, trong đó hạn mức cho vay là 20.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh là 30.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể nhưng tối đa không quá 8 tháng; Hợp đồng tín dụng được gia hạn đến hết ngày 30/09/2014 theo thông báo V/v phê duyệt gia hạn nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy ngày 18/03/2014. Mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công xây lắp các công trình dở dang từ năm trước chuyển sang và các công trình phát sinh trong năm 2012 theo kế hoạch kinh doanh năm 2012 được Hội đồng quản trị thông qua. Lãi suất cho vay được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 11.987.000.000 VND. Hình thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay không có đảm bảo bằng tài sản; Bên vay tự nguyện dùng các tài sản của mình và tài sản của bên thứ ba để đảm bảo khoản vay theo hợp đồng đảm bảo tiền vay số 06/2008 ngày 11/12/2008 và hợp đồng đảm bảo tiền vay số 09/2008 ngày 31/12/2008.

Hợp đồng tín dụng từng lần số 130135/NHNTHD ngày 01/11/2013 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hải Dương với số tiền vay là 850.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng là 06 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích vay vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành gói thầu số 3 Dự án thoát nước Hà Nội. Lãi suất cho vay là 10%/năm và cố định trong suốt thời gian nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 140% lãi suất cho vay. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 850.000.000 VND. Hình thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bởi khoản tiền gửi không kỳ hạn của Tổng Công ty Sông Hồng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, số tiền: 500.000.000 VND.

Hợp đồng tín dụng từng lần số 130117/NHNTHD ngày 01/10/2013 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hải Dương với số tiền vay là 1.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng là 06 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích vay vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành gói thầu số 3 Dự án thoát nước Hà Nội. Lãi suất cho vay là 08%/năm và cố định trong suốt thời gian nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 140% lãi suất cho vay. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 1.000.000.000 VND. Hình thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bởi khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn của Tổng Công ty Sông Hồng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, số tiền: 1.000.000.000 VND.

Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/2012 ngày 18/09/2012 với Ông Đặng Tiên Phong với số tiền 1.000.000.000 VND, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay được ấn định là 12%/năm/số tiền dư nợ gốc vay thực tế và không thay đổi trong suốt thời hạn vay. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 351.626.747 VND.

Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV/2012 ngày 10/10/2012 với Ông Tạ Tuấn Anh số tiền 260.000.000 VND, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay được ấn định là 12%/năm/số tiền dư nợ gốc vay thực tế và không thay đổi trong suốt thời hạn vay. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 260.000.000 VND.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn tại Ban Điều hành Nhà thi đấu Đà Nẵng:**

Hợp đồng vay theo hạn mức tín dụng ngắn hạn số 232/11/HDDTDNH-PN/SHBDN ngày 07/04/2011. Giá trị hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND; Mục đích vay nhằm bổ sung vốn thi công công trình: "phần còn lại xây lắp phần ngầm Trung Tâm Hành chính TP Đà Nẵng; Lãi suất vay ghi cụ thể trên từng khế ước nhận nợ; Thời hạn cấp hạn mức là 10 tháng và được gia hạn đến 31/03/2014; Khoản vay được bảo đảm bằng: (i) Thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ việc thi công công trình "Trung tâm hành chính thành phố Đà Nẵng" từ hợp đồng thi công xây dựng số 391/HĐ-XD ngày 29/12/2010; (ii) Cam kết trả nợ của Tổng Công ty Sông Hồng trị giá 100% giá trị vay vốn; Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 24.650.610.652 VND.

Tại thời điểm 31/12/2013; chi phí lãi vay, lãi phạt quá hạn của các khoản vay của Ban Điều hành Nhà thi đấu Đà Nẵng để cấp vốn cho các nhà thầu phụ thực hiện thi công công trình phát sinh từ năm 2012 đến hết ngày 28/11/2013 vẫn chưa được Ban ghi nhận và chưa phân bổ cho các nhà thầu phụ với tổng số tiền là 21.476.314.372 VND.

### 13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.377.000	1.206.710.314
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.737.273.708	3.861.054.927
Thuế thu nhập cá nhân	197.306.418	194.997.159
Các loại thuế khác	371.417.980	371.417.980
	<u>2.309.375.106</u>	<u>5.634.180.380</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	39.238.319.481	11.097.878.924
Trích trước giá vốn công trình	115.111.922.604	142.202.663.808
Chi phí thiết kế bản vẽ thi công, khảo sát hiện trường	392.923.540	876.203.540
Chi phí thuê nhà	72.763.636	252.549.288
Chi phí khắc phục tồn thất	137.619.720	137.619.720
Chi phí phải trả khác	18.100.000	45.690.334
	<b>154.971.648.981</b>	<b>154.612.605.614</b>

19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	356.863.638	458.269.950
Bảo hiểm xã hội	446.562.085	351.146.802
Bảo hiểm y tế	87.771.098	76.675.269
Phải trả về cổ phần hóa	5.775.909.098	7.354.814.098
Bảo hiểm thất nghiệp	28.165.350	25.720.595
Các khoản phải trả, phải nộp khác	44.940.267.180	68.970.683.578
<i>Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng</i>	3.862.093.801	3.862.093.801
<i>Phải trả công ty thiết bị toàn bộ</i>	-	2.323.766.708
<i>Phải trả UBND Tỉnh Phú Thọ (Xi măng Yên Mao)</i>	1.000.000.000	1.000.000.000
<i>Phải trả ban quản lý dự án biệt thự Tây Hồ</i>	600.000.000	600.000.000
<i>Cổ tức phải trả cổ đông</i>	22.938.036.000	43.512.351.000
<i>Công ty Cổ phần Phát triển XD và XNK Sông Hồng</i>	564.011.674	564.011.674
<i>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng</i>	-	1.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần sông Hồng 36 (bảo lãnh thực hiện hợp đồng)</i>	4.093.608.127	15.608.460.395
<i>Các khoản phải trả khác</i>	11.882.517.578	-
	<b>51.635.538.449</b>	<b>77.237.310.292</b>

20 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải trả tiền đặt cọc mua nhà I1, I2, I3 Dự án Thái Hà	224.990.488.115	207.497.823.621
Phải trả cá nhân góp vốn Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông	1.860.000.000	2.201.000.000
Phải trả cá nhân góp vốn Công ty CP Địa ốc Sông Hồng	560.000.000	560.000.000
Phải trả Công ty CP Đầu tư Địa ốc Sông Hồng về tiền tạm ứng Hợp đồng thuê văn phòng (i)	32.857.578.341	52.555.222.221
Phải trả phải nộp dài hạn khác (ii)	7.000.000.000	7.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng</i>	6.000.000.000	6.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Vàng</i>	1.000.000.000	1.000.000.000
	<b>267.268.066.456</b>	<b>269.814.045.842</b>

(i): Hợp đồng thuê văn phòng số 06/2012/HDTVP/TCT-SH Land ngày 04/09/2012 giữa Tổng Công ty CP Sông Hồng với Công ty CP Đầu tư Địa ốc Sông Hồng. Theo đó, Tổng Công ty cho Công ty CP Đầu tư Địa ốc Sông Hồng thuê một phần diện tích của Tòa nhà văn phòng đa năng được Thành phố Hà Nội giao cho Tổng Công ty Sông Hồng làm chủ đầu tư, kinh doanh, xây dựng tại Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 sau khi Dự án hoàn thành. Thời hạn thuê là 46 năm, giá trị hợp đồng (tạm tính) là: 60.471.224.000 VND. Tổng số tiền ứng trước của Công ty CP Đầu tư Địa ốc Sông Hồng cho Hợp đồng này tính đến ngày 31/12/2013 là: 32.857.5778.341 VND.

(ii): Theo thỏa thuận hợp tác đầu tư số 1453/TTDT-2011 ngày 29/08/2011 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Vàng, các bên đồng ý hợp tác, đầu tư và kinh doanh thực hiện Dự án nhà ở cho cán bộ Nhà xuất bản Chính trị Quốc Gia Việt Nam với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 50%, 25% và 25% tổng mức đầu tư của dự án.

## 21 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay dài hạn	229.367.081.565	238.455.770.966
Vay ngân hàng	229.367.081.565	238.455.770.966
Nợ dài hạn	200.000.000	200.000.000
Nợ dài hạn khác	200.000.000	200.000.000
	<u>229.567.081.565</u>	<u>238.655.770.966</u>

### Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

#### Tại Văn phòng Tổng Công ty:

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 100092/NHNTHD ngày 17/05/2010 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, số tiền cho vay tối đa là 21.419.000.000 VND. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 72 tháng ngay sau khi kết thúc thời gian ân hạn, kỳ hạn trả nợ gốc là 06 tháng/1 kỳ. Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ, được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo từng thời kỳ. Mục đích vay để thanh toán chi phí đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Khách sạn Royal Sông Hồng. Số dư nợ gốc tại 31/12/2013 là 5.275.694.826 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong năm tiếp theo là 1.917.754.348 VND. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Tài sản thế chấp là công trình Khách sạn Royal Sông Hồng tại đường Phan Bội Châu, thành phố Lào Cai hình thành từ "Dự án đầu tư xây dựng công trình Khách sạn Royal Sông Hồng".

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 0041/2010/HĐTD1-OCEANBANK ngày 19/08/2010 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại dương - Chi nhánh Thăng Long, số tiền vay không quá 67.148.764.159 VND. Thời hạn vay từ 02 - 04 năm tùy theo mục đích vay từng lần. Lãi suất vay trong hạn kỳ đầu tiên là 16%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để đầu tư máy móc thiết bị theo dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị của Tổng công ty Sông Hồng. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 8.728.887.226 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong năm tiếp theo là 8.728.887.226 VND. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, vốn tự có của bên vay với tổng giá trị là 103.591.927.054 VND.

**Tại Ban Điều hành Nhà thi đấu Đà Nẵng:**

Hợp đồng vay theo hạn mức tín dụng ngắn hạn số 551/09/HDHM-PN/SHBĐN ngày 6/10/2009 và phụ lục HĐ tín dụng ngày 24/3/2010. Giá trị hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND; Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động thực hiện thi công xây dựng công trình Nhà Thi đấu thể dục thể thao TP Đà Nẵng; Lãi suất vay ghi cụ thể trên từng khế ước nhận nợ từ 21%/năm đến 23%/năm; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng (từ 25/3/2010 đến 25/3/2011) được gia hạn đến 31/12/2014; Khoản vay được bảo đảm bằng: (i) Nguồn thu hình thành trong tương lai từ các Hợp đồng kinh tế sẽ phát sinh trong quá trình thực hiện thi công xây dựng; (ii) Cam kết bảo lãnh thanh toán số 1827/NQ-HĐQT ngày 28/9/2009 của Tổng Công ty Sông Hồng về việc cam kết trả nợ cho các khoản vay của đơn vị để thực hiện thi công công trình nhà thi đấu Đà Nẵng; Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 31.867.000.000 VND.

**Tại Ban Điều hành Vũng Áng:**

Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0036/2011/HĐTD1 ngày 01 tháng 12 năm 2011 vay Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh với tổng hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND; Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 và được gia hạn đến 31/07/2014; Lãi suất theo quy định của OceanBank tại từng thời điểm giải ngân; Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động và cấp bảo lãnh cho bên B phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Khoản vay không có tài sản đảm bảo; Ngoài ra, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng chấp thuận để Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh quản lý nguồn thu từ việc thực hiện thi công các hạng mục xây dựng thuộc hợp đồng EPC-Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 194.142.141.087 VND.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ dài hạn khác:**

Khoản nợ dài hạn khác số tiền 200 triệu đồng là khoản tiền ký quỹ đầu tư của 08 hộ dân để làm thủ tục sổ đỏ mua biệt thự D3 mà Tổng Công ty đã thu trong hợp đồng mua bán nhà biệt thự thuộc dự án kinh doanh nhà biệt thự tại Quận Tây Hồ-Hà Nội.

**22 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu cho thuê một phần diện tích tòa nhà văn phòng (thuộc dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2) từ thời điểm bàn giao mặt bằng đến ngày 03/07/2058, đã xuất hóa đơn với số tiền 18.181.818.182 VND, còn lại là doanh thu cho thuê nhãn hiệu với số tiền 515.151.515 VND.

**23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Xem chi tiết Phụ lục 5.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2013	Tỷ lệ	01/01/2013	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	197.631.780.000	73,20	197.631.780.000	73,20
Vốn góp của các đối tượng khác	72.368.220.000	26,80	72.368.220.000	26,80
	<u>270.000.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>270.000.000.000</u>	<u>100,00</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	270.000.000.000	270.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	270.000.000.000	270.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	18.900.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.000.000	27.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.000.000	27.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	27.000.000	27.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Quỹ đầu tư phát triển	13.998.018.022	13.998.018.022
Quỹ dự phòng tài chính	11.469.802.618	11.469.802.618
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.734.901.309	5.734.901.309
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	25.981.000	25.981.000

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.629.014.336	6.327.799.495
Doanh thu hợp đồng xây dựng	818.235.805.078	795.914.711.791
Thu cho thuê sử dụng nhãn hiệu Tổng Công ty	848.484.849	4.090.909.091
	<u>832.713.304.263</u>	<u>806.333.420.377</u>

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.071.671.303	4.538.438.470
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	807.625.057.859	780.971.615.196
	<u>810.696.729.162</u>	<u>785.510.053.666</u>

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.273.828.595	7.687.426.136
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	5.198.396.171	9.332.514.124
	<b>13.472.224.766</b>	<b>17.019.940.260</b>

(i): Trong đó, Tổng Công ty ghi nhận khoản cổ tức được chia từ các công ty nhận đầu tư theo Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2014 như sau:

Công ty	Số tiền
- Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	755.883.537
- Công ty Cổ phần CMC	630.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng sông Lô	303.345.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 sông Hồng	1.042.701.634
<b>Tổng</b>	<b>2.731.930.171</b>

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	733.441.753	2.559.306.548
	<b>733.441.753</b>	<b>2.559.306.548</b>

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.754.943.867	2.704.556.984
Chi phí nhân công	15.776.408.841	17.940.811.388
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.625.190.027	1.385.862.829
Chi phí dự phòng	25.500.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.395.095.310	3.900.999.515
Chi phí khác bằng tiền	10.858.778.080	8.645.743.509
	<b>36.435.916.125</b>	<b>34.577.974.225</b>

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Khoan khảo sát địa chất, lắp vữa siêu âm	790.011.874	660.192.980
Thép phục vụ thi công	1.123.236.600	14.200.699.664
Bê tông thương phẩm	-	15.258.420.280
Tiền điện, nước sinh hoạt của nhà thầu phụ	638.167.074	1.041.969.967

Phí bảo lãnh vay ngân hàng	-	763.664.154
Thu nhập từ dự án Camranh Resort	-	3.000.000.000
Tiền cho thuê đất, thuê văn phòng	4.585.735.297	3.521.767.569
Phí thầu chính, thầu phụ	3.404.104.075	3.408.511.829
Phí quản lý thu trên giá trị khối lượng hoàn thành và giá trị điều chỉnh giá của nhà thầu phụ	1.467.889.930	166.876.000
Thanh lý tài sản	65.732.575	-
Xử lý công nợ	3.499.796.593	-
Khác	389.109.369	4.822.947.110
	<b>15.963.783.387</b>	<b>46.845.049.553</b>

## 29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí khoan khảo sát địa chất, lắp vữa siêu âm	790.011.874	660.192.980
Chi phí thép phục vụ thi công	1.123.236.600	14.200.699.664
Chi phí Bê tông thương phẩm	-	15.258.420.280
Tiền điện, nước sinh hoạt của nhà thầu phụ	638.167.074	1.041.969.967
Phí bảo lãnh vay ngân hàng	-	763.664.154
Thanh lý tài sản	299.812.062	-
Khác	264.859.012	2.868.205.628
	<b>3.116.086.622</b>	<b>34.793.152.673</b>

### 29.1 Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	11.167.138.754	12.757.923.078
Các khoản điều chỉnh tăng	897.866.021	343.956.773
- Chi phí khấu hao có nguyên giá lớn hơn 1,6 tỷ VND	91.988.000	91.988.000
- Chi phí không hợp lệ	805.878.021	251.968.773
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.198.396.171)	(9.332.514.124)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(5.198.396.171)	(6.305.843.530)
- Doanh thu tạm tính từ góp vốn vào dự án Thái Hà	-	(3.026.670.594)
Thu nhập chịu thuế TNDN	6.866.608.604	3.769.365.727
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 25%)</b>	<b>1.716.652.151</b>	<b>942.341.432</b>
Điều chỉnh giảm thuế TNDN do chưa chuyển lỗ năm 2011	(2.026.737.528)	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	3.861.054.927	2.918.713.495
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.813.695.842)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>1.737.273.708</b>	<b>3.861.054.927</b>



### 31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.022.626.156	-	127.276.507.784	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	553.974.907.615	(20.431.655.185)	398.968.485.552	(19.330.713.699)
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	163.416.517.735	-	159.968.508.780	-
	<u>754.414.051.506</u>	<u>(20.431.655.185)</u>	<u>686.213.502.116</u>	<u>(19.330.713.699)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	279.312.960.538	292.322.194.417
Phải trả người bán, phải trả khác	592.036.582.901	611.532.126.195
Chi phí phải trả	154.971.648.981	154.612.605.614
	<u>1.026.321.192.420</u>	<u>1.058.466.926.226</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

##### Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

##### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Tiền và tương đương tiền	36.022.626.156	-	-	36.022.626.156
Phải thu khách hàng, phải thu khác	433.819.610.523	99.723.641.907	-	533.543.252.430
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	163.416.517.735	163.416.517.735
	<u>470.842.236.679</u>	<u>99.723.641.907</u>	<u>163.416.517.735</u>	<u>733.982.396.321</u>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Tiền và tương đương tiền	127.276.507.784	-	-	127.276.507.784
Phải thu khách hàng, phải thu khác	278.838.688.460	100.799.083.393	-	379.637.771.853
Đầu tư dài hạn	-	-	159.968.508.780	159.968.508.780
	<u>406.115.196.244</u>	<u>100.799.083.393</u>	<u>159.968.508.780</u>	<u>666.882.788.417</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Vay và nợ	49.745.878.973	229.567.081.565	-	279.312.960.538
Phải trả người bán, phải trả khác	324.768.516.445	267.268.066.456	-	592.036.582.901
Chi phí phải trả	154.971.648.981	-	-	154.971.648.981
	<u>529.486.044.399</u>	<u>496.835.148.021</u>	<u>-</u>	<u>1.026.321.192.420</u>

Tại ngày 01/01/2013

Vay và nợ	53.666.423.451	238.655.770.966	-	292.322.194.417
Phải trả người bán, phải trả khác	341.718.080.353	269.814.045.842	-	611.532.126.195
Chi phí phải trả	154.612.605.614	-	-	154.612.605.614
	<u>549.997.109.418</u>	<u>508.469.816.808</u>	<u>-</u>	<u>1.058.466.926.226</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 32 . THÔNG TIN KHÁC

Một số tài sản cố định hình thành từ nguồn Kinh phí sự nghiệp đã được chuyển sang nguồn vốn kinh doanh tại thời điểm cổ phần hóa doanh nghiệp. Các tài sản này không được trích khấu hao vào chi phí kể từ thời điểm cổ phần hóa đến ngày 31/12/2013, số khấu hao cần trích lũy kế là 5.584.876.023 VND, trong đó khấu hao của năm 2013 là 1.785.965.378 VND. Do đó, chỉ tiêu Tài sản cố định và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán cùng phản ánh thừa số tiền là 5.584.876.023 VND; chỉ tiêu Giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả kinh doanh phản ánh thiếu số tiền là 1.785.965.378 VND.

Thực hiện chủ trương sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp giai đoạn 2011-2015 theo Nghị quyết của Trung ương khóa IX và sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Xây dựng về nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty Cổ phần sông Hồng đã có công văn số 803/TCT-TCNS ngày 17/06/2014 gửi Bộ Xây dựng về phương án tái cấu trúc và nâng cao quản trị của Tổng Công ty Cổ phần sông Hồng giai đoạn 2014-2015 về việc thoái toàn bộ vốn đầu tư tại 17 đơn vị, bao gồm 06 Công ty con: Công ty Cổ phần sông Hồng Thăng Long; Công ty Cổ phần sông Hồng Đà Nẵng; Công ty Cổ phần Thép sông Hồng; Công ty Cổ phần Xây dựng và Đô thị sông Hồng; Công ty Cổ phần Nhân lực Quốc tế và Thương mại sông Hồng; Công ty Cổ phần sông Hồng miền Trung; 08 Công ty liên kết: Công ty Cổ phần sông Hồng 36; Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng sông Hồng; Công ty Cổ phần năng lượng sông Hồng; Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng sông Hồng; Công ty Cổ phần sông Hồng Bình Tây; Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng sông Hồng 9; Công ty Cổ phần sông Hồng Tây Đô và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Minh Phương và 03 Công ty góp vốn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội - sông Hồng; Công ty Cổ phần sông Hồng 6; Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch II.

### 33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là xây dựng, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

### 35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
a) Bảng Cân đối kế toán			
- Trả trước cho người bán	132	344.156.902.200	337.698.813.843
- Hàng tồn kho	141	284.584.802.213	288.679.954.727
- Chi phí phải trả	316	154.612.605.614	144.641.315.949
- Chi phí xây dựng cơ bản	230	30.655.590.688	23.047.236.866

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2014

Tổng Giám đốc






Đặng Minh Hiền

Phùng Minh Bằng

Phạm Văn Nghĩa

**SƠ Y BẢN CHÍNH**

Ngày... tháng... năm 20...

  
T/L TỔNG GIÁM ĐỐC  
P. CHÁNH VĂN PHÒNG  
Lý Trường Thành

Phụ lục 1 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	35.378.958.991	42.094.083.366	20.631.546.403	2.171.154.678	100.275.743.438
Số tăng trong năm	148.670.016	28.044.545	35.000.000	26.462.045	238.176.606
- Mua trong năm	-	28.044.545	-	-	28.044.545
- Phân loại lại	-	-	35.000.000	8.507.500	43.507.500
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	148.670.016	-	-	-	148.670.016
- Tăng khác	-	-	-	17.954.545	17.954.545
Số giảm trong năm	(958.987.927)	(395.237.539)	(362.069.609)	(1.597.865.341)	(3.314.160.416)
- Điều chuyển nội bộ (i)	-	(186.277.636)	-	-	(186.277.636)
- Thanh lý, nhượng bán	(51.272.727)	(22.000.000)	(273.197.790)	(188.016.867)	(534.487.384)
- Phân loại lại	-	(43.507.500)	-	-	(43.507.500)
- Giảm khác (ii)	(907.715.200)	-	-	-	(907.715.200)
- Giảm khác (iii)	-	(143.452.403)	(88.871.819)	(1.409.848.474)	(1.642.172.696)
Số dư cuối năm	34.568.641.080	41.726.890.372	20.304.476.794	599.751.382	97.199.759.628
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	9.893.212.187	13.917.234.311	7.780.647.778	1.510.860.022	33.101.954.298
Số tăng trong năm	888.504.934	4.359.842.840	2.068.120.243	174.340.747	7.490.808.764
- Khấu hao trong năm	719.887.653	4.359.842.840	2.063.453.576	152.739.174	7.295.923.243
- Phân loại lại	168.617.281	-	4.666.667	21.601.573	194.885.521
Số giảm trong năm	(708.597.812)	(379.475.436)	(269.244.904)	(1.339.666.630)	(2.696.984.782)
- Điều chuyển nội bộ (i)	-	(82.167.882)	-	-	(82.167.882)
- Thanh lý, nhượng bán	(28.562.178)	(14.850.000)	(215.730.679)	(162.418.248)	(421.561.105)
- Phân loại lại	-	(194.885.521)	-	-	(194.885.521)
- Giảm khác (ii)	(680.035.634)	-	-	-	(680.035.634)
- Giảm khác (iii)	-	(87.572.033)	(53.514.225)	(1.177.248.382)	(1.318.334.640)
Số dư cuối năm	10.073.119.309	17.897.601.715	9.579.523.117	345.534.139	37.895.778.280
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	25.485.746.804	28.176.849.055	12.850.898.625	660.294.656	67.173.789.140
Tại ngày cuối năm	24.495.521.771	23.829.288.657	10.724.953.677	254.217.243	59.303.981.348

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng:

3.371.660.169

(i) : Trong đó:

Điều chuyển về Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng máy móc thiết bị với tổng nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 109.363.636 VND  
- và 60.590.896 VND;

Góp vốn vào Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Đô thị Sông Hồng máy móc thiết bị với tổng nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 76.914.000 VND và  
- 21.576.986 VND.

(ii) : Điều chỉnh giảm tài sản là dây nhà A1,A2 tại Việt Trì do bán Công ty Cổ phần sông Hồng 27 với nguyên giá và hao mòn lũy kế là 907.715.200 VND và  
(iii) : 680.035.634 VND (giá trị dây nhà nằm trong giá chuyển nhượng).

(iii) : Điều chỉnh giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Phụ lục 2: Thông tin chi tiết về các Công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên Công ty con	Vốn đầu tư	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Số dư Vốn chủ sở hữu	Hoạt động kinh doanh chính	Chí chú
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	2.786.500.000	55,73%	55,73%	(2.786.310.139)	Xây dựng công trình công nghiệp	(i)
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng	6.500.000.000	76,40%	76,40%	(10.545.996.582)	Xây dựng công trình công nghiệp	(ii)
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	102.000.000.000	87,63%	87,63%	(115.310.157.050)	Sản xuất kinh doanh thép	(ii)
Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Đô thị Sông Hồng	937.000.000	51,00%	45,84%	1.395.445.219	Dịch vụ tư vấn thiết kế	(ii)
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	12.239.900.000	100,00%	100,00%	8.285.258.459	Xây lắp	(i)
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	1.910.941.012	100,00%	100,00%	(2.657.396.065)	Xây lắp	(i)
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	11.960.847.357	51,00%	43,25%	43.208.450.149	Xây dựng công trình công nghiệp	(ii)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô	5.114.913.673	57,78%	57,78%	10.622.924.622	Kinh doanh vật liệu xây dựng	(ii)
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng	15.800.000.000	55,00%	55,00%	22.251.892.758	Xây dựng và phát triển các nguồn điện năng	(i)
Công ty Cổ phần Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Hồng	750.000.000	40,00%	55,00%	1.899.553.010	Dịch vụ đưa lao động và chuyên gia đi làm việc tại nước ngoài	(ii)
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Sông Hồng	5.100.000.000	51,00%	51,00%	11.999.655.249	Xây dựng công trình công nghiệp	(ii)
Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung	11.000.000.000	64,76%	64,76%	18.486.404.913	Xây dựng công trình công nghiệp	(ii)
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	4.522.404.482	100,00%	100,00%	6.504.506.248	Xây dựng công trình công nghiệp	(ii)
<b>Cộng</b>	<b>180.622.506.524</b>			<b>(6.645.769.209)</b>		

(i): Số dư Vốn chủ sở hữu lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012

(ii): Số dư Vốn chủ sở hữu lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2013

Phụ lục 3: Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên Công ty liên kết	Vốn đầu tư	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Số dư Vốn chủ sở hữu	Hoạt động kinh doanh chính	Ghi chú
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	364.681.268	22,79%	22,79%	1.449.521.368	Dịch vụ tư vấn thiết kế	(i)
Công ty Cổ phần Sông Hồng 10	6.000.000.000	20,00%	20,00%	28.329.725.884	Xây lắp	(i)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	5.250.000.000	32,81%	32,81%	1.792.398.900	Xây lắp	(i)
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	9.750.000.000	48,75%	48,75%	(2.989.427.057)	Xây lắp	(i)
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	36.498.220.000	48,91%	48,91%	67.734.714.986	Xây lắp	(i)
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	1.696.000.000	48,15%	48,15%		Xây lắp	(ii)
Công ty Cổ phần Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	4.000.000.000	22,39%	22,39%	19.083.239.537	Dịch vụ, Xây lắp	(i)
Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô	1.000.000.000	45,45%	45,45%	2.355.451.326	Xây lắp	(i)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	2.000.000.000	20,00%	20,00%	10.132.433.187	Xây lắp	(i)
<b>Cộng</b>	<b>66.558.901.268</b>			<b>127.888.058.131</b>		

(i): Số dư Vốn chủ sở hữu lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2013

(ii): Chưa thu thập được Báo cáo tài chính



Phụ lục 4: Thông tin chi tiết góp vốn vào các Công ty khác của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên Công ty đầu tư khác	Vốn đầu tư	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Số dư Vốn chủ sở hữu	Ghi chú
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Sông Hồng (Công ty Cổ phần Sông Hồng 6)	1.700.000.000	17,00%	17,00%	(33.197.232.006)	(i)
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	1.038.110				(ii)
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng	4.623.089.559				(ii)
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đại Phát	1.000.000.000	10,00%	10,00%		(ii)
Công ty Cổ phần CMC	3.738.120.078	4,38%	4,38%	122.543.584.334	(i)
Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	1.264.586.273	1,25%	1,25%	87.235.260.271	(i)
Công ty Cổ phần Dầu khí Điện lực Nhơn Trạch II	8.704.000.000	0,34%	0,34%		(ii)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	2.200.000.000	2,10%	2,10%		(ii)
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	500.000.000	2,70%	2,70%	19.895.470.196	(i)
<b>Cộng</b>	<b>23.730.834.020</b>			<b>196.477.082.795</b>	

(i): Số dư Vốn chủ sở hữu lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2013

(ii): Chưa thu thập được Báo cáo tài chính



TP. / 05 / TY / HỮU / TC / 3C

Phụ lục 5 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Cộng
VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	270.000.000.000	22.519.497.214	3.969.156	7.584.389.033	5.056.173.629	2.528.086.815	77.048.554.291	384.740.670.138
Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	25.981.000	25.981.000
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	11.815.581.646	11.815.581.646
Giảm vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	4.581.336.973	4.581.336.973
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	6.413.628.989	6.413.628.989	3.206.814.494	(38.461.568.415)	(22.427.495.943)
Giảm khác	-	-	(3.969.156)	-	-	-	-	(3.969.156)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>270.000.000.000</b>	<b>22.519.497.214</b>	<b>-</b>	<b>13.998.018.022</b>	<b>11.469.802.618</b>	<b>5.734.901.309</b>	<b>54.983.904.495</b>	<b>378.732.104.658</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác (i)	-	-	-	-	-	-	9.450.486.603	9.450.486.603
Tăng khác (ii)	-	-	-	-	-	-	18.900.000.000	18.900.000.000
Giảm cổ tức đã ghi nhận (iii)	-	-	-	-	-	-	2.026.737.528	2.026.737.528
Giảm khác (iv)	-	-	-	-	-	-	(1.903.000.000)	(1.903.000.000)
	-	-	-	-	-	-	(589.106.079)	(589.106.079)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>270.000.000.000</b>	<b>22.519.497.214</b>	<b>-</b>	<b>13.998.018.022</b>	<b>11.469.802.618</b>	<b>5.734.901.309</b>	<b>82.869.022.547</b>	<b>406.617.222.710</b>

- (i): Điều chỉnh theo Công văn số 609/BXD-QLDN ngày 07/04/2014 của Bộ Xây dựng, theo đó, việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2011: lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty là 4,58 tỷ đồng và không đủ điều kiện chia cổ tức với tỷ lệ 1:0,7 tương ứng với 18,9 tỷ đồng.
- (ii): Điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do Công ty chưa thực hiện chuyển lỗ (số tiền 8.106.950.113 VND) khi xác định Chi phí thuế TNDN năm 2011, dẫn đến thuế TNDN phải nộp giảm 2.026.737.528 VND và lợi nhuận sau thuế tăng lên tương ứng 2.026.737.528 VND.
- (iii): Giám khoán cổ tức của Công ty Cổ phần sông Hồng 1 năm ghi nhận năm 2012, đến năm 2013 Công ty Cổ phần sông Hồng 1 thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu.
- (iv): Giám lợi nhuận do trích thiếu giá vốn của Công trình CT3A số tiền 543.042.079 VND và tiền phụ phí hạch toán thừa của Công ty Cổ phần Xây dựng Bình An số tiền 46.064.000 VND.

